TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2024/HS-PT
Ngày 12 - 4 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Thẩm phán: Ông Trần Nam Phương;

Ông Dương Lê Bửu Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*:** Bà Tống Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 555/2023/TLPT-HS ngày 18 tháng 12 năm 2023, đối với các bị cáo Đặng Minh V và Lê Thị Kiều O; do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 202/2023/HS-ST ngày 18-10-2023 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc;

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Đặng Minh V (tên gọi khác: Út sida), sinh năm 1992 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 0750920117XX; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Ấp A, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; con ông Đặng Văn Đ (đã chết) và bà Trần Thị Ánh T; có vợ tên Nguyễn Thị Kim N và có 03 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2010/HS-ST ngày 25-01-2010, bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 (một) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", đến ngày 20/9/2010, chấp hành xong bản án; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số:

72/2024/LCĐKNCT ngày 12-3-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Thị Kiều O, sinh năm 1989 tại An Giang; Căn cước công dân số: 0891890088XX; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Ấp C, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; con ông Lê Văn T1 (đã chết) và bà Trần Thị L; có chồng tên Phạm Công T2 và có 03 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; hiện nay, bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 73/2024/LCĐKNCT ngày 12-3-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

- Ngoài ra, vụ án còn có 12 bị cáo khác không có kháng cáo và không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính:

Trần Công B và Phạm Công T2 có mâu thuẫn với nhau trên mạng xã hội Facebook, do T2 chửi B là "B đầu cứt". Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 23/02/2023, B đã rủ Nguyễn Minh N1, Nguyễn Thanh M, Đặng Minh V, Bảo Hoài G, Nguyễn Hùng V1 và Nguyễn Hùng V2, chuẩn bị mang theo hung khí (dao rựa, dao tự chế, kiếm), điều khiển xe mô tô đến nhà T2, để tìm T2 giải quyết mâu thuẫn; tất cả đều đồng ý. Khi nhóm B đến trước nhà T2, thấy T2 đang ngồi nhậu cùng với Ha Na P, M, Huỳnh Quỳnh Đ1, Hô S, Phạm Lê Thanh T3 và Nguyễn Đức T4 tại vị trí hiên trước nhà T2. Lúc này, B trên tay cầm 01 dao rựa dài khoảng 1,2 m, cùng đồng bọn cầm theo hung khí lớn tiếng chửi bới, dùng đá ném về phía nhóm của T2 đang ngồi nhậu; đồng thời, cầm hung khí (dao, kiếm) chạy lao đến chém. Thấy vậy, nhóm T2 chạy vào trong nhà và khóa chặt cửa trốn, nên B không chém tiếp được. B cùng đồng bọn tiếp tục dùng dao chém cửa chính và dùng đá ném vào nhà T2 (do kính cường lực nên không bị vỡ) và nhóm của T2 cũng mở cửa lấy đá ném lại nhóm của B. Khi 02 nhóm đang ném đá qua lại, T2 nói với Lê Thị Kiều O là vợ của T2, kéo đến 01 túi xách bên trong đựng dao tự chế và dao rựa đưa cho nhóm của T2, cả nhóm lấy dao trong túi xách chạy đến đuổi đánh nhóm của B. Hai nhóm đuổi đánh nhau ra phía trước đường bê tông nhà T2 khoảng 05 phút sau thì nhóm của B thất thế,

bị nhóm của T2 đuổi đánh bỏ chạy về. Hậu quả: T2 bị thương tích ở vùng tai trái, 01 ti vi nhãn hiệu LG trong phòng khách của nhà T2 bị vỡ màn hình.

2. Giám định - Định giá:

- Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 1696/C09B ngày 28/02/2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Tại thời điểm giám định tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra của Phạm Công T2 là 03% (ba phần trăm).

- Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 1735/C09B ngày 28/02/2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Thương tích của Phạm Công T2 có đặc điểm phù hợp do vật sắc tác động gây ra

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 13/KL-HĐĐG ngày 23/02/2023 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện X kết luận: Giá trị còn lại của 01 ti vi nhãn hiệu LG 42LN5110 42 inch đã qua sử dụng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng).

3. Vật chứng:

- 03 (ba) đoạn dữ liệu điện tử (C) thể hiện diễn biến vụ việc, được Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện X sao lưu vào 01 đĩa DVD và lưu vào hồ sơ vụ án.

- 07 (bảy) dao các loại; 01 (một) con rựa; 01 (một) cây inox; 01 (một) vỏ kiếm; 07 (bảy) viên đá gạch.

- 02 (hai) xe mô tô.

4. Nội dung khác:

Đối với hành vi gây thương tích cho Phạm Công T2 với tỷ lệ thương tật 03% (theo kết luận giám định). Quá trình điều tra chưa xác định được ai là người gây ra thương tích cho Phạm Công T2, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện X tách ra để tiếp tục xác minh, thu thập củng cố tài liệu chứng cứ để tiến hành khởi tố bằng một vụ án khác.

Đối với Nguyễn Thanh M hiện đã bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện X đã ban hành Quyết định truy nã, khi nào bắt được sẽ tiến hành xử lý theo quy định pháp luật.

5. Dân sự:

Lê Thị Kiều O và Phạm Công T2 không yêu cầu bồi 01 ti vi nhãn hiệu LG bị ném đá vỡ màn hình.

6. Quyết định của cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 202/2023/HS-ST ngày 18-10-2023 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số: 90/2023/QĐ-SCBSBA ngày 26-10-2023 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, đã quyết định:

1/ Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Trần Công B phạm tội "Gây rối trật tự công cộng". Xử phạt bị cáo Trần Công B: 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù.

2/ Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Phạm Công T2 phạm tội "Gây rối trật tự công cộng". Xử phạt bị cáo Phạm Công T2: 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.

3/ Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, tuyên bố các bị cáo Phạm Lê Thanh T3 phạm tội "Gây rối trật tự công cộng". Xử phạt bị cáo Phạm Lê Thanh T3 04 (bốn) năm tù.

4/ Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58, Điều 56 Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Hùng V1 phạm tội "Gây rối trật tự công cộng". Xử phạt bị cáo Nguyễn Hùng V1 04 (bốn) năm tù. Tổng hợp hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số: 130/2023/HS-ST ngày 18-7-2023 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù.

5/ Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, tuyên bố các bị cáo Nguyễn Minh N1, Đặng Minh V, Bảo Hoài G, Nguyễn Hùng V2, Ha Na P, Man S1, Huỳnh Quỳnh Đ1, Hô S, Nguyễn Đức T4 và Lê Thị Kiều O phạm tội "Gây rối trật tự công cộng";

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh N1 và bị cáo Đặng Minh V, mỗi bị cáo 04 (bốn) năm tù.

- Xử phạt bị cáo Bảo Hoài G và bị cáo Nguyễn Hùng V2, mỗi bị cáo 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Xử phạt các bị cáo Ha Na P, Man S1, Huỳnh Quỳnh Đ1, Hô S và Nguyễn Đức T4, mỗi bị cáo 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Lê Thị Kiều O 02 (hai) năm tù.

6/ Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

7. Kháng cáo:

Trong thời hạn luật định, các bị cáo Đặng Minh V và Lê Thị Kiều O kháng cáo, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt, hưởng án treo.

8. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án; xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo theo tội danh và điều luật bản án sơ thẩm đã nêu là có căn cứ, đúng người và đúng tội. Hình phạt của Tòa án cấp sơ thẩm đối với bị cáo Đặng Minh V là phù hợp, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo. Đối với bị cáo Lê Thị Kiều O có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đang nuôi con nhỏ, chồng bị cáo cũng bị xét xử trong vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tội danh:

Trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo phạm tội "Gây rối trật tự công cộng", theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Về kháng cáo:

2.1. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

2.2. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tại cấp sơ thẩm: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo Lê Thị Kiều O phạm tội lần đầu, nhân thân tốt, chưa tiền án tiền sự; và có con còn nhỏ. Áp dụng quy định tại các điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại cấp phúc thẩm, kèm theo đơn kháng cáo, các bị cáo cung cấp đơn, được chính quyền địa phương xác nhận và tài liệu, thể hiện:

+ Bị cáo Đặng Minh V có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo vừa bị gãy chân nên sức khỏe yếu. Áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

+ Bị cáo Lê Thị Kiều O có hoàn cảnh khó khăn, chồng bị cáo tên Phạm Công T2 cũng bị xét xử trong cùng vụ án và bị kết án 04 năm 06 tháng tù. Bản thân bị cáo bị bệnh nhưng phải trực tiếp nuôi 03 con nhỏ và mẹ chồng già yếu. Vào ngày 02-7-2023, bị cáo có công trong việc phát giác, báo tin cho Công an xã X phát hiện và bắt giữ một số đối tượng có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Áp dụng điểm u khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

2.3. Về hình phạt:

Đối với bị cáo Đặng Minh V: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá toàn diện, việc cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo hình phạt như trên là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo có tình tiết mới, nên chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo Lê Thị Kiều O: Cùng với tình tiết giảm nhẹ mới nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, bị cáo tham gia vào vụ án với vai trò thứ yếu, có nhân thân tốt; ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành tốt chính sách, pháp luật tại địa phương; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng và có khả năng tự cải tạo; việc buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là không cần thiết. Bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo hướng dẫn tại Văn bản hợp nhất Nghị quyết hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo số: 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân tối cao; do đó, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo với thời gian thử thách theo quy định, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các bị cáo Đặng Minh V và Lê Thị Kiều O không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Chấp nhận một phần quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1, 2 Điều 355 và điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đặng Minh V và Lê Thị Kiều O;

Sửa một phần về hình phạt do khách quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 202/2023/HS-ST ngày 18-10-2023 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

1. Tội danh và hình phạt:

1.1. Bị cáo Đặng Minh V:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Đặng Minh V 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng". Thời hạn tù tính từ ngày người bị kết án Đặng Minh V vào cơ sở giam giữ chấp hành án phạt tù.

1.2. Bị cáo Lê Thị Kiều O:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s, u khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Xử phạt bị cáo Lê Thị Kiều O 02 (hai) năm tù về tội "Gây rối trật tự công cộng"; bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 12-4-2024.

- Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng áo treo.

- Giao bị cáo Lê Thị Kiều O cho Ủy ban nhân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai, nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát và giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

2. Về án phí:

Các bị cáo Đặng Minh V và Lê Thị Kiều O không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Quyết định của bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm không

có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các bị cáo (2);
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc (2);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện Xuân Lộc;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Xuân Lộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Ủy ban nhân dân xã Xuân Hưng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự và Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Văn Thành